



Bài báo nghiên cứu THÓI QUEN THAM GIA LỚP HỌC BẰNG NGÔN NGỮ NÓI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG MÔN KHOA HỌC

Lê Hải Mỹ Ngân, Nguyễn Trúc Vy*

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Lê Hải Mỹ Ngân – Email: nganlhm@hcmue.edu.vn*

Ngày nhận bài: 05-02-2020; ngày nhận bài sửa: 23-02-2020; ngày duyệt đăng: 24-02-2021

TÓM TẮT

Đối với việc tổ chức hoạt động học tập trong lớp học, sự tham gia trao đổi bằng ngôn ngữ nói của học sinh là một yếu tố quan trọng. Do đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi quan tâm đến vấn đề hiểu được các dạng phong cách tham gia lớp học có sử dụng ngôn ngữ nói của học sinh. Chúng tôi đã sử dụng bảng câu hỏi Engagement and Participation in Classroom – Science (EPIC-S) để khảo sát phong cách tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói của học sinh Việt Nam và nhận thức về mong đợi của giáo viên đối với các phong cách tham gia lớp học. Khảo sát được thực hiện trên 883 học sinh ở một số trường trung học công lập ở 3 khu miền Bắc, Trung và Nam Việt Nam. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 2, kết quả cho thấy, học sinh Việt Nam có xu hướng tham gia lớp học trong im lặng, tức chủ yếu là tập trung lắng nghe, ghi chú, cố gắng hiểu bài giảng. Tuy nhiên, một phần đáng kể học sinh đã có sự kết hợp ngoài việc ghi chú hay lắng nghe thì cũng mong muốn tham gia lớp học bằng cách diễn đạt bằng ngôn ngữ nói để trao đổi, thảo luận. Kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp vào việc xây dựng phương pháp giảng dạy môn khoa học ở Việt Nam.

Từ khóa: phong cách học tập; khoa học; trung học cơ sở; giáo dục STEM

1. Giới thiệu

Trong dạy học lấy người học làm trung tâm, hiểu và xây dựng nền tảng dạy học trên cơ sở tâm lý và nhu cầu người học là điều cần thiết. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 xây dựng trên nền tảng phát triển năng lực cho người học, trong đó coi trọng sự tiến bộ của học sinh (HS) hơn là sự so sánh giữa HS với nhau. Chính vì vậy, việc hiểu được phong cách tham gia học tập trong lớp học của HS là rất cần thiết. Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, năng lực giao tiếp và hợp tác là một trong những năng lực chung cần được phát triển và bồi dưỡng đối với HS trung học cơ sở (THCS) (Ministry of Education and Training, 2018). Một trong những yếu tố quan trọng để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác là HS cần *sử dụng ngôn ngữ nói* trong quá trình tham gia lớp học, chẳng hạn như phát biểu ý kiến, trả lời câu hỏi, thảo luận, trao đổi với giáo viên (GV) và bạn bè. Theo

Cite this article as: Le Hai My Ngan, & Nguyen Truc Vy (2021). Verbal participation of vietnamese secondary school students in science classroom. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(2), 321-330.

(Abdullah, Bakar, & Mahbob, 2012), HS được xem là tích cực thì sẽ thường mạnh dạn nêu câu hỏi khi gặp vấn đề, đưa ra các ý tưởng mới cũng như trả lời các câu hỏi của GV rất nhanh chóng, ngược lại HS không có thói quen sử dụng ngôn ngữ nói hoặc thụ động lại chủ yếu ngồi im lặng, lắng nghe, ghi chú. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, HS càng tích cực tham gia lớp học thì sẽ càng có các kết quả học tập tốt hơn (Astin, 1999; Liu, 2001; Wade, 1994).

Hiện nay, giáo dục STEM là mô hình dạy học được khuyến khích thực hiện trong chương trình giáo dục phổ thông 2018. Một đặc trưng quan trọng của hoạt động STEM trong lớp học là *làm việc nhóm*, mà thông qua đó HS có thể phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác (Techakosit, & Nilsook, 2018). Trong các nghiên cứu về giáo dục STEM, hoạt động STEM phần lớn được thực hiện theo hình thức nhóm. Quá trình HS tương tác và làm việc với nhau trong nhóm cũng là một yếu tố cần quan tâm và đánh giá trong việc tổ chức hoạt động STEM. Do đó, việc hiểu được thói quen HS tham gia vào lớp học bằng cách sử dụng ngôn ngữ nói là quan trọng trong đổi mới dạy học và góp phần vào việc tổ chức các hoạt động học tập STEM thêm hiệu quả.

Tuy nhiên, một số tài liệu nghiên cứu về thói quen tham gia lớp học của HS châu Á đã chỉ ra rằng HS trong khu vực thường có xu hướng *im lặng* (Kim, 2011; Liu, 2001). Một số nghiên cứu gần đây có đề cập vấn đề HS im lặng trong lớp học vẫn chiếm đa số trong các lớp học ở một số quốc gia châu Á như Đài Loan, Thái Lan, Hàn Quốc. Theo khảo sát năm 2013 do Bộ Khoa học và Công nghệ tại Đài Loan tài trợ, 88% HS trong cuộc khảo sát chưa sẵn sàng mạnh dạn đặt câu hỏi cho GV hoặc trả lời các câu hỏi trong lớp học (Yu-Ta Chien, 2016). Khảo sát năm 2015 tại Đài Loan của Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đề cập tỉ lệ HS sử dụng ngôn ngữ nói để trao đổi, thảo luận trong lớp vẫn chưa cao. Nghiên cứu của (Ketsing, 2018) về thói quen tham gia lớp học của HS Thái Lan cho thấy HS ở đây vẫn có xu hướng giữ im lặng, hạn chế sử dụng ngôn ngữ nói trong tham gia lớp học.

Thói quen tham gia lớp học của HS được biểu hiện thông qua các hành vi trong giờ học. Hiện nay, cách thức tham gia vào lớp học thông qua *sử dụng ngôn ngữ nói* để thể hiện suy nghĩ và ý kiến cần được quan tâm. Đối với thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói, một số hành vi cụ thể của HS được biểu hiện như ghi chú, lắng nghe, đặt câu hỏi, nêu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi (Abdullah et al., 2012; Bas, 2010; Liu, 2001). Trên cơ sở phân loại HS theo thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói, nhóm các nhà nghiên cứu Đài Loan đã xây dựng ***bảng hỏi Engagement and Participation in Classroom – Science (EPIC-S)*** để đánh giá phong cách tham gia lớp học của HS (Jen, 2017; Ketsing, 2018; Wanjooh Ahn, 2016; Yu-Ta Chien, 2016). Theo (Jen, 2017; Wanjooh Ahn, 2016), nhóm nghiên cứu Đài Loan đã nhận định một HS được xem là: (1) **không tham gia** lớp học nếu không muốn tham gia học tập trong lớp, không thể hiện sự tập trung vào bài và cũng không tham gia học tập thông qua ngôn ngữ nói; (2) **tham gia học tập chỉ sử dụng ngôn ngữ nói** nếu chỉ muốn tham gia học tập thông qua diễn đạt ý kiến, thảo luận, trao đổi

bằng lời nói (3) **tham gia trong im lặng** nếu chỉ muốn tham gia học tập bằng cách ghi chép, lắng nghe và cố gắng tiếp thu; hoặc (4) **tham gia bằng cả hai hình thức** nếu tham gia lớp học tích cực cả bằng ngôn ngữ nói và cũng rất chăm chú lắng nghe cũng như ghi chép. Như vậy, sử dụng bảng hỏi này có thể nhận định được HS theo 4 nhóm thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói. Việc hiểu được mong muốn của HS cũng như tính đa dạng về thói quen tham gia học tập trong lớp sẽ có ý nghĩa định hướng cho các nhà nghiên cứu cũng như GV khi thực hiện tác động về giảng dạy nhằm làm tăng hiệu quả trong dạy học hoặc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua ngôn ngữ nói của các em.

Trên cơ sở nghiên cứu đã trình bày, nhóm thực hiện nghiên cứu khảo sát thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói trong các môn khoa học. Đồng thời cũng dựa vào dữ liệu để xem xét liệu có khác biệt giữa các nhóm HS có thói quen khác nhau trong nhận thức về mong đợi của GV đối với HS có thói quen tham gia lớp học khác nhau không.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Công cụ khảo sát

Bảng hỏi khảo sát thói quen tham gia lớp học khoa học – Engagement and Participation in Classroom – Science (EPIC-S) được phát triển bởi một nhóm nghiên cứu Đài Loan (Chien, 2018; Jen, 2017; Wanjoo Ahn, 2016; Yu-Ta Chien, 2016). Bảng hỏi được xây dựng và phát triển với phiên bản tiếng Anh bao gồm nhiều thành tố khảo sát, chẳng hạn như thói quen tham gia lớp học khoa học; sở thích của HS về phương pháp học môn khoa học... (Wanjoo Ahn, 2016; Yu-Ta Chien, 2016). Bảng hỏi EPIC-S phiên bản tiếng Anh bao gồm các câu hỏi tự luận cũng như lựa chọn, và các câu hỏi được thiết kế theo dạng Likert với bốn mức điểm thể hiện sự tán thành từ mức 1 – hoàn toàn không đồng ý đến mức 4 – hoàn toàn đồng ý. Trong nghiên cứu này, đầu tiên bảng hỏi được chuyển ngữ sang tiếng Việt bởi một nhóm các nhà nghiên cứu Việt Nam, sau đó bảng được gửi cho một số GV trung học đọc và điều chỉnh để đảm bảo các câu hỏi sử dụng ngôn từ phù hợp với HS. Khi thực hiện khảo sát, bảng hỏi được in và GV trung học cơ sở sẽ phát cho HS làm đề thu thập dữ liệu.

Trong bảng hỏi này, nhóm nghiên cứu Đài Loan đã phát triển hai nhóm câu hỏi để ghi nhận quan điểm HS đối với sự mong đợi của GV cho thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói (Teachers' Expectations of Verbal participation – TEV) và thói quen tham gia lớp học trong im lặng (Teachers' Expectations of Non-Verbal participation – TENV). Đối với thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói, HS cho rằng mong đợi của GV đối với HS giỏi là phải tích cực phát biểu, đặt câu hỏi khi vướng mắc, trả lời câu hỏi của GV hoặc rất nhiệt tình trong việc trao đổi, thảo luận. HS có mức độ đồng ý càng cao đối với thành tố này thì càng cho thấy các em có nhận thức rằng cần phải tích cực tham gia lớp học bằng cách sử dụng ngôn ngữ nói. Còn đối với thói quen tham gia lớp học trong im lặng, HS sẽ cho rằng GV mong đợi HS tập trung theo dõi bài học, cố gắng tiếp thu và ghi chép đầy đủ.

Đối với nghiên cứu này, nhóm đã sử dụng bảng hỏi tập trung vào các thành tố trực tiếp liên quan nội dung nghiên cứu, bao gồm: các câu hỏi về thông tin chung (*trường, lớp, giới tính...*); câu hỏi về cách thức học khoa học (*quan điểm mục đích học tập, cách học khoa học hiệu quả*), thành tố thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói VP; thành tố thói quen tham gia lớp học trong im lặng NVP; thành tố sự mong đợi của GV đối với thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói TEV và thành tố sự mong đợi của GV đối với thói quen tham gia lớp học trong im lặng TENV. Mỗi thành tố bao gồm 3 mệnh đề khẳng định được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Các thành tố sử dụng trong nghiên cứu với các mệnh đề khẳng định tương ứng

Thành tố	Mệnh đề khẳng định
Tham gia trong im lặng (NVP – NonVerbal Participation)	Trong lớp khoa học, em luôn chăm chú nghe giảng Trong lớp khoa học, em luôn cố gắng hết sức để hiểu bài Trong lớp khoa học, em thường xuyên ghi chép bài đầy đủ
Tham gia sử dụng ngôn ngữ nói (VP – Verbal Participation)	Trong lớp khoa học, em trình bày to rõ khi phát biểu Trong lớp khoa học, em luôn sẵn sàng hỏi GV ngay khi em có thắc mắc Trong lớp khoa học, em luôn xung phong trả lời mỗi khi GV đặt câu hỏi
Sự mong đợi của GV đối với phong cách tham gia lớp học trong im lặng (TENV)	GV nghĩ rằng HS giỏi luôn tập trung nghe giảng. GV nghĩ rằng HS giỏi luôn cố gắng hiểu được tất cả các kiến thức được dạy GV nghĩ rằng HS giỏi thường xuyên tự ghi chú các nội dung bài học
Sự mong đợi của GV đối với phong cách tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói (TEV)	GV nghĩ rằng HS giỏi thường chia sẻ ý kiến và ý tưởng với cả lớp GV nghĩ rằng HS giỏi luôn sẵn sàng đặt câu hỏi khi có thắc mắc về nội dung trong lúc học trên lớp GV nghĩ rằng HS giỏi luôn sẵn sàng phát biểu trả lời mỗi khi GV đặt câu hỏi trong lúc học

2.2. Đối tượng và mẫu khảo sát

Đối tượng tham gia thực hiện khảo sát trong nghiên cứu này là HS cấp trung học cơ sở. Nghiên cứu được thực hiện với 883 HS của 11 trường THCS ở một số trường thuộc miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam. Mẫu HS khảo sát đa dạng về cấp lớp, giới tính, khu vực, hoàn cảnh gia đình và cả kết quả học tập các môn khoa học. Bảng hỏi được gửi qua email với các hướng dẫn thực hiện khảo sát và thông tin chi tiết cho GV về bảng hỏi và quy trình thực hiện khảo sát. GV thực hiện chọn một số lớp ngẫu nhiên để khảo sát. Các bảng hỏi sau khi được hoàn thành được gửi lại nhóm nghiên cứu qua đường bưu điện. Khảo sát được thực hiện gần cuối học kỳ 2 khi HS gần như đã hoàn thành chương trình học và kỳ thi học kỳ 2.

Bảng 2. Mô tả mẫu khảo sát theo cấp lớp, khu vực và giới tính ($N = 883$ HS)

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng
Khối 6	0	0	0	0	43	56	99
Khối 7	5	20	31	15	104	97	272
Khối 8	73	81	29	36	64	80	363
Khối 9	24	38	30	25	20	12	149
Total	241		166		476		883

2.3. Xử lý dữ liệu

Dữ liệu từ các phiếu khảo sát được nhập liệu và phân tích định lượng sử dụng phần mềm SPSS 20. Với câu hỏi thứ nhất, thói quen học tập sử dụng ngôn ngữ nói của HS khi tham gia lớp học khoa học được xử lý mô tả thống kê thông qua kết quả câu trả lời về thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói (**VP** – *Verbal participation*) và tham gia trong im lặng (**NVP** – *Nonverbal participation*). Điểm thu nhận được từ mức độ tán thành của học sinh đối với các mệnh đề trong hai thành tố này sẽ được tính trung bình (Jen, 2017). Theo nghiên cứu của nhóm các tác giả Đài Loan, mức điểm trung bình của mỗi thành tố sẽ phản ánh thói quen tham gia lớp học của HS (Jen, 2017; Wanjoo Ahn, 2016; Yu-Ta Chien, 2016).

- **HS không tham gia lớp học** có điểm trung bình NVP và điểm trung bình VP đều nhỏ hơn 3,0.
- **HS tham gia chỉ sử dụng ngôn ngữ nói** có điểm trung bình NVP nhỏ hơn 3,0 nhưng điểm trung bình VP lớn hơn hoặc bằng 3,0.
- **HS tham gia trong im lặng** có điểm trung bình NVP lớn hơn hoặc bằng 3,0 và điểm trung bình VP nhỏ hơn 3,0.
- **HS tham gia lớp học tích cực bằng cả hai hình thức** (sử dụng ngôn ngữ nói và tham gia im lặng) có điểm trung bình NVP và điểm trung bình VP đều lớn hơn hoặc bằng 3,0.

Dữ liệu phân loại HS với các thói quen học tập khác nhau sẽ được tính theo tỉ lệ phần trăm để cho thấy thực trạng HS THCS sử dụng ngôn ngữ nói khi tham gia lớp học khoa học. Kết quả này sẽ phản ánh kết quả cho câu hỏi nghiên cứu thứ nhất.

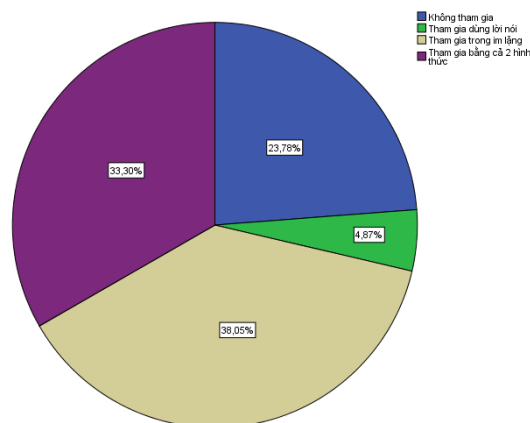
Với câu hỏi nghiên cứu thứ hai, kết quả được rút ra dựa trên việc xử lý dữ liệu về quan điểm của HS đối với mong đợi của GV cho thói quen tham gia học tập sử dụng ngôn ngữ nói (TEV) và tham gia lớp học trong im lặng (TENV). Sự khác biệt trong quan điểm về mong đợi của GV đối với các thói quen tham gia lớp học giữa các nhóm HS được xử lý bằng *phân tích phương sai (one-way ANOVA)* trong đó thói quen tham gia lớp học của HS là biến độc lập và điểm số trung bình của hai thành tố TEV và TENV là biến phụ thuộc. Với câu hỏi thứ ba, suy nghĩ của HS thuộc các nhóm thói quen tham gia lớp học khác nhau

đối với phương pháp học tập được cho là hiệu quả nhất đối với các em sẽ được thống kê theo tỉ lệ phần trăm để phản ánh nhận thức của các em đối với phương pháp học tập.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thói quen tham gia lớp học khoa học của học sinh

Thống kê thói quen tham gia lớp học khoa học của HS theo 4 nhóm (không tham gia, tham gia chỉ sử dụng ngôn ngữ nói, tham gia trong im lặng, và tham gia bằng cả 2 hình thức) được biểu thị trên Hình 1.



Hình 1. Biểu đồ tỉ lệ các nhóm HS với các hình thức tham gia lớp học:

- (1) không tham gia; (2) tham gia chỉ sử dụng ngôn ngữ nói; (3) tham gia trong im lặng;
(4) tham gia bằng cả 2 hình thức

Tỉ lệ HS hầu như không tham gia vào lớp học, có thể làm việc khác, không tập trung ghi chú hoặc tham gia thảo luận chiếm tỉ lệ là 23,7%. Có nhiều lí do giải thích cho việc tỉ lệ này chiếm đáng kể, có thể một phần do sự yêu thích của HS đối với môn học khoa học, hoặc do phương pháp dạy học hiện tại chưa đáp ứng được đúng như mong muốn học tập của học sinh. Trong nhóm HS không tham gia lớp học, 65,7% HS xem việc học chỉ để thi tốt nghiệp. Như vậy, cho thấy đối với HS trong nhóm hoàn toàn không tham gia lớp học khoa học thì quan điểm học tập còn mang tính thụ động.

Tỉ lệ HS chỉ muốn tham gia lớp học bằng ngôn ngữ nói chiếm tỉ lệ thấp 4,87% là một biểu hiện của phương pháp dạy học và lớp học với số lượng đông ở nước ta, chưa tạo được môi trường để học sinh tham gia lớp học hoàn toàn bằng hình thức này. Điều này cũng thể hiện qua tỉ lệ HS tham gia lớp học thông qua lắng nghe, ghi chú chiếm một số lượng đáng kể là 71,35%. Trong đó, HS tham gia lớp học trong im lặng vẫn chiếm tỉ lệ cao hơn là 38,05%, cho thấy HS Việt Nam vẫn đang có đặc trưng là tham gia lớp học trong im lặng. Song tỉ lệ HS tham gia lớp học bằng cả 2 hình thức (sử dụng ngôn ngữ nói và không sử dụng ngôn ngữ nói) chiếm 33,3% là một tỉ lệ đáng kể, cho thấy sự thay đổi rõ nét trong nhu cầu tham gia thảo luận và trao đổi bằng lời của HS trong lớp học.

3.2. Suy nghĩ của HS về quan điểm của GV đối với thói quen tham gia lớp học sử dụng lời nói và tham gia lớp học trong im lặng

Phân tích phương sai ANOVA một chiều giữa các nhóm HS có thói quen tham gia lớp học khác nhau đã được thực hiện để xem xét sự ảnh hưởng của thói quen tham gia học tập lên quan điểm của HS đối với mong đợi của GV cho thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói và mong đợi của GV cho thói quen tham gia lớp học trong im lặng, lần lượt được xác định bởi điểm trung bình TEV và TENV. Dữ liệu được phân tích đối với HS thuộc 4 nhóm được nêu ở trên (Nhóm 0: không tham gia lớp học; Nhóm 1: tham gia chỉ sử dụng lời nói; Nhóm 2: tham gia trong im lặng; Nhóm 3: tham gia bằng cả 2 hình thức).

Bảng 3. Kết quả xử lý ANOVA một chiều đối với mong đợi của GV đối với phong cách tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói (TEV) và mong đợi của GV đối với phong cách tham gia lớp học trong im lặng (TENV)

	TEV			TENV		
	Sum of Squares	F	Sig.	Sum of Squares	F	Sig.
Between Groups	18,071	20,5	,000	15,015	14,4	,000
Within Groups	258,222			304,275		
Total	276,292			319,290		

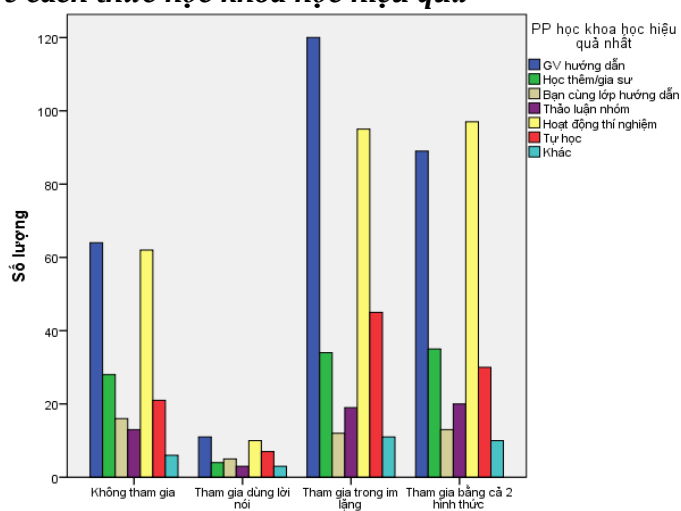
Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức $p < 0,05$ về điểm TEV và TENV cho 4 nhóm: $F(3, 879) = 20,5$; $p = 0,00$ và $F(3, 879) = 14,3$; $p = 0,00$. Mặc dù, đạt được ý nghĩa thống kê, sự khác biệt thực tế về điểm trung bình giữa các nhóm là khá nhỏ. Độ mạnh tác động (Effect size), được tính bằng bình phương eta, lần lượt là 0,06 và 0,05.

So sánh post-hoc sử dụng kiểm định Turkey HSD đối với điểm trung bình của TEV chỉ ra rằng điểm trung bình của nhóm 3 (tham gia bằng cả 2 hình thức) khác biệt đáng kể so với nhóm 0 (không tham gia) và nhóm 2 (tham gia trong im lặng). Nhóm 1 (tham gia sử dụng lời nói) thì không có khác biệt so với 3 nhóm còn lại. Điểm trung bình TEV (mong đợi của GV đối với thói quen tham gia học tập sử dụng lời nói của HS) của nhóm 3 (tham gia bằng cả 2 hình thức) là trên 3 thể hiện một quan điểm rõ ràng của nhóm này đối với phong cách tham gia học tập sử dụng ngôn ngữ nói là một biểu hiện cần thiết và được mong đợi từ GV đối với HS trong lớp. Sự khác biệt của nhóm 0 (không tham gia) và nhóm 2 (tham gia trong im lặng) so với nhóm 1 (tham gia sử dụng lời nói) và nhóm 3 (tham gia bằng cả 2 hình thức) cho thấy rằng rõ ràng có sự phân hóa trong nhận thức của HS đối với việc tham gia lớp học thông qua diễn đạt thành lời. HS tham gia trong im lặng có nhận thức trong việc GV đánh giá tham gia lớp học thông qua lời nói tuy nhiên vẫn chưa khẳng định rõ ràng. Bên cạnh đó, điểm trung bình TENV của các nhóm đều dưới mức 3 cho thấy HS cũng có nhận thức việc im lặng trong lớp học không được ghi nhận hoặc đánh giá cao. Song tương quan so với tỉ lệ phân bố các thói quen tham gia lớp học thì chúng ta có thể thấy rằng bản chất HS tham gia lớp học trong im lặng có thể như một nếp học tập quen thuộc, cũng là một trong những cơ sở của việc cần phải đổi mới phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm trong những năm qua.

Bảng 4. Mô tả thống kê cho từng nhóm phong cách tham gia lớp học đối với mong đợi của GV đối với phong cách tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói (TEV) và mong đợi của GV đối với phong cách tham gia lớp học trong im lặng (TENV)

Nhóm	N	TEV		N	TENV	
		Mean	SD		Mean	SD
Không tham gia	210	2,70	0,56	210	2,47	0,58
Tham gia dùng lời nói	43	2,83	0,52	43	2,36	,55
Tham gia trong im lặng	336	2,79	0,55	336	2,60	,55
Tham gia cả 2 hình thức	294	3,06	0,52	294	2,78	,63

3.3. Nhận thức về cách thức học khoa học hiệu quả



Hình 2. Tỷ lệ phương pháp học tập môn khoa học hiệu quả nhất đối với các nhóm HS

Dựa vào biểu đồ, chúng ta có thể nhận thấy rằng, tùy thuộc các nhóm có thói quen tham gia lớp học khác nhau, hai phương pháp học tập khoa học hiệu quả nhất mà HS lựa chọn là GV hướng dẫn và hoạt động thí nghiệm. Qua đó cho thấy, HS vẫn nhận thấy sự quan trọng trong việc học tập cần sự hỗ trợ của GV, song điều này có thể do phương pháp học tập lấy người dạy làm trung tâm từ trước đã khiến HS có sự phụ thuộc vào GV. Ngoài ra, HS có ý thức và nhu cầu rất rõ ràng đối với việc học khoa học thông qua các hoạt động thí nghiệm, đây là một trong những cơ sở cho thấy việc phát huy giáo dục STEM trong nhà trường là rất cần thiết. Bên cạnh đó, kết quả lựa chọn tự học của các nhóm HS cũng là một điểm lưu ý. Đối với nhóm HS tham gia trong im lặng, phương pháp tự học ở vị trí thứ 3, cho thấy rõ ràng việc tham gia trong im lặng cũng có tác động tích cực do HS luôn có tập trung và chủ động ghi chú cũng như rất cố gắng để hiểu được các nội dung bài giảng, đã góp phần giúp khả năng tự tìm hiểu và tự học tốt hơn.

4. Kết luận

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã trình bày nghiên cứu khảo sát thực trạng về thói quen tham gia lớp học sử dụng ngôn ngữ nói của HS. Khảo sát sử dụng công cụ đã được chuẩn hóa đảm bảo độ tin cậy và tính giá trị khi sử dụng. Kết quả của khảo sát cho thấy được thói quen tham gia lớp học vẫn còn mang đậm tính thụ động chủ yếu tập trung lắng nghe, ghi chép và cố gắng tiếp thu hơn là sự chủ động sử dụng ngôn ngữ nói. Tuy vậy, học sinh với các thói quen tham gia lớp học khác nhau vẫn cùng có quan điểm GV ghi nhận tốt hơn đối với HS tham gia sử dụng ngôn ngữ nói. Bên cạnh đó, kết quả cũng chỉ ra được sự chuyển hóa về nhu cầu học tập của học sinh cần mong muốn tham gia các hoạt động trải nghiệm nhiều hơn để tăng tính chủ động trong học tập và quan trọng là HS vẫn ghi nhận cần có sự hướng dẫn của GV trong lớp học.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở mã số CS.2018.19.56, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdullah, M. Y., Bakar, N. R. A., & Mahbob, M. H. (2012). The dynamics of student participation in classroom: observation on level and forms of participation. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 59, 61-70.
- Astin, A. W. (1999). Student involvement: A developmental theory for higher education.
- Bas, G. (2010). Effects of multiple intelligences instruction strategy on students achievement levels and attitudes towards English Lesson. *Cypriot Journal of Educational Sciences*, 5(3), 167-180.
- Chien, Y. T., Jen, C. H., Martin, S. N., Chu, H. E., & Chang, C. Y. (2018). 'Factors Contributing to Student Participation in Science Classroom: A Survey Study'. Paper presented at the Annual Meeting of the National Association for Research in Science Teaching (NARST).
- Jen, C. H., Chien, Y. T., Martin, S. N., Chu, H. E., & Chang, C. Y. (2017). 'Student participation and perception of social environment in the science classroom'. Paper presented at the 12th Conference of the European Science Education Research Association (ESERA), Dublin, Ireland.
- Ketsing, J., Faikhamta, C. & Pongsophon, P. (2018). *Factors Contributing to Students' Participation Preferences in Thai Science Classrooms*. Paper presented at the International Conference of East - Asian Association for Science Education, Taiwan.
- Kim, K. (2011). *How are we to understand Asia?: Perceptions and identities*. *Asia Review*, 1(1), 37-58.
- Liu, J. (2001). *Asian students' classroom communication patterns in US universities: An emic perspective*: Greenwood Publishing Group.

- Ministry of Education and Training (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* [General education curriculum].
- Techakosit, S., & Nilsook, P. (2018). The Development of STEM Literacy Using the Learning Process of Scientific Imagineering through AR. *International Journal of Emerging Technologies in Learning*, 13(1), 230-238.
- Wade, R. C. (1994). Teacher education students' views on class discussion: Implications for fostering critical reflection. *Teaching and teacher education*, 10(2), 231-243.
- Wanjoo Ahn, H.-E. C., Sonya Martin, Yu-Ta Chien, Chun-Hui Jen, and Chun-Yen Chang (2016). *Development of an instrument to examine Engagement and Participation in Classroom – Science (EPIC-S)*. Paper presented at the International Conference of East-Asian Association for Science Education, Taiwan.
- Yu-Ta Chien, C.-H. J., Sonya Martin, Hye-Eun Chu, Wanjoo Ahn, and Chun-Yen Chang (2016). *Toward an understanding of students' verbal and non-verbal participatory practices in the science classroom*. Paper presented at the International Conference of East-Asian Association for Science Education.

VERBAL PARTICIPATION OF VIETNAMESE SECONDARY SCHOOL STUDENTS IN SCIENCE CLASSROOM

Le Hai My Ngan*, Nguyen Truc Vy

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Le Hai My Ngan– Email: nganlhm@hcmue.edu.vn

Received: February 05, 2020; Revised: February 23, 2020; Accepted: February 24, 2021

ABSTRACT

In STEM activities in classroom, student engagement using oral language is an important feature. Therefore we are interested in understanding the types of classroom participation that use students' spoken language. In this study, we used the Engagement and Participation in Classroom - Science Questionnaire (EPIC-S) to survey Vietnamese students' classroom participation behaviours using spoken language as well as their perceptions of teachers' expectations for participation behaviours. The survey was conducted with 883 students at some public high schools in the North, Central and South areas of Vietnam. The data were analyzed using SPSS 20. The results showed that Vietnamese students tend to participate in silence, mainly focusing on listening, taking notes and trying to understand lectures. However, a considerable number of students not only take notes or listen but also want to join the class by expressing in spoken language. The results will contribute to understanding more of teaching methods in general and STEM education in particular in Vietnam.

Keywords: participation behaviour; science classroom; secondary school; STEM education